

TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Công văn đến số: 692
ĐẾN Ý kiến của Lãnh đạo trung tâm:
Ngày:.....
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ số:.....


Ngày 03 tháng 8 năm 2017

K/c Phó PTCM tỷ xeb.

Tr
03/8/2017.

- Văn thư Trung tâm giao:
- Phòng chuyên môn nhận:
- Ý kiến của Lãnh đạo Phòng chuyên môn:

7/12



deep water 3.50

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3362 / STNMT-KHTC
V/v đăng ký đăng tin công khai dự toán
ngân sách năm 2017 của STNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Trung tâm Công nghệ Thông tin

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Phòng Kế hoạch – Tài chính đề nghị Trung tâm đăng tin trên trang web của Sở TNMT nội dung như sau:

- Công bố “Quyết định số 271 /QĐ-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2017 Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa”.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Xuân Tây

Số: 271/QĐ-STNMT

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2017
của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa (đính kèm các văn bản giao dự toán)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP, KHTC.



GIÁM ĐỐC *[Signature]*

TỔ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ- UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017;

Căn cứ văn bản thẩm định số 73 /STC-HCSN ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài chính Khánh Hòa về việc thẩm định dự toán ngân sách năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách năm 2017 cho các đơn vị tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT.



PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

I. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	TỔNG SỐ	29.190	21.981	7.209
		9.511	8.538	973
1	Chi quản lý hành chính	4.920	4.318	602
1.1	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 460, Khoản 463)	4.318	4.318	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.352	3.352	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	869	869	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức (10 x 33,4 + 10 x 32,2 + 10 x 32,2)	97	97	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	602	-	602
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	52		52
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	81		81
	- Kinh phí tập huấn và kiểm tra khoáng sản	80		80
	- Trang phục thanh tra và kinh phí tiếp công dân	137		137
	- Các hoạt động công tác giá đất	45		45
	- Kinh phí hoạt động nước, khí tượng, thủy văn			
	- Hoạt động ban chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu và các hoạt động khác có liên quan đến biến đổi khí hậu	27		27
	- Đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai TTLT 39/2011/TTLT-BTNMT-BTC ngày 15/11/2011	180		180
1.2	Chi cục Bảo vệ Môi trường (Mã 1085919, Loại 460, Khoản 463)	1.544	1.523	21
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.523	1.523	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.073	1.073	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức (10 x 30,4 + 5 x 29,2)	405	405	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	45	45	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	21		21
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21		21
1.3	Chi cục Quản lý Đất đai (Mã 1101499, Loại 460, Khoản 463)	1.676	1.655	21
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.655	1.655	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.205	1.205	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức (10 x 30,4 + 5 x 29,2)	405	405	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	45	45	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	21		21
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21		21
1.4	Chi cục Biên và hải đảo (Mã 1112538, Loại 460, Khoản 463)	1.371	1.042	329
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.042	1.042	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	738	738	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức (10 x 30,4)	274	274	

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	30	30	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	329	-	329
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	14		14
	- Tổ chức tuần lễ biển đảo	90		90
	- Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	45		45
	- Kinh phí phục vụ hoạt động giao khu vực biển (theo Nghị định 1/2014/NĐ-CP)	90		90
	- Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định 40/2016/NĐ-CP	45		45
	- Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Khánh Hoà	45		45
2	Chi sự nghiệp kinh tế	17.535	11.335	6.200
2.1	Trung tâm Phát triển quỹ đất (Mã 1031567, Loại 430, Khoản 432)	2.806	2.757	49
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.757	2.757	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	2.301	2.301	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	410	410	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	46	46	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	49	-	49
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	49		49
2.2	Trung tâm Công nghệ thông tin (Mã 1040172, Loại 430, Khoản 432)	1.479	1.266	213
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.266	1.266	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	892	892	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	337	337	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	37	37	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	213	-	213
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	22		22
	- Kinh phí phòng máy chủ Sở TN&MT	11		11
	- Kế hoạch thu thập dữ liệu về TN&MT tỉnh Khánh Hòa	180		180
2.3	Văn phòng Đăng ký đất đai (Mã 1079036, Loại 430, Khoản 432)	7.468	7.312	156
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.312	7.312	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	5.872	5.872	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.296	1.296	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	144	144	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	156	-	156
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	156		156
2.3.1	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (Mã 1079036, Loại 430, Khoản 432)	1.681	1.646	35
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.322	1.322	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	291	291	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	33	33	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	35	-	35
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	35		35

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
2.3.2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Nha Trang (Mã 1027090, Loại 430, Khoản 432)	1.867	1.828	39
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	1.828	1.828	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.468	1.468	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	324	324	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	36	36	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	39		39
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	39		39
2.3.3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Cam Ranh (Mã 1010329, Loại 430, Khoản 432)	622	609	13
	a Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	609	609	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	489	489	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	108	108	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	12	12	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	13		13
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	13		13
2.3.4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cam Lâm (Mã 1026047, Loại 430, Khoản 432)	622	609	13
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	609	609	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	108	108	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	12	12	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	13		13
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	13		13
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	13		13
2.3.5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Diên Khánh (Mã 1026154, Loại 430, Khoản 432)	622	609	13
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	609	609	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	489	489	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	108	108	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	12	12	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	13		13
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	13		13
2.3.6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Vạn Ninh (Mã 1030651, Loại 430, Khoản 432)	622	609	13
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	609	609	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	108	108	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	12	12	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	13		13
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	13		13
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	13		13
2.3.7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã Ninh Hòa (Mã 1094697, Loại 430, Khoản 432)	684	670	14
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	670	670	-

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	538	538	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	119	119	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	13	13	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	14		14
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	14		14
2.3.8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Khánh Vĩnh (Mã 1082165, Loại 430, Khoản 432)	374	366	8
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	366	366	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	294	294	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	65	65	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	7	7	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	8		8
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	8		8
2.3.9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Khánh Sơn (Mã 1114273, Loại 430, Khoản 432)	374	366	8
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	366	366	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	294	294	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	65	65	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	7	7	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	8		8
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	8		8
2.4	Sở Tài nguyên môi trường Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 430, Khoản 432)	3.082		3.082
	- Lĩnh vực đất đai (kinh phí đo đạc, lập bản đồ, kiểm kê đất đai)	-		
	- Lĩnh vực khoáng sản	900		900
	- Lĩnh vực nước, khí tượng thủy văn	720		720
	- Xây dựng phần mềm và CSDL cung cấp bản đồ trực tuyến	711		711
	- Kinh phí quy hoạch sử dụng đất	751		751
2.5	Chi cục Biển và hải đảo (Mã 1112538, Loại 430, Khoản 432)	2.700		2.700
	- Lĩnh vực biển đảo	2.700		2.700
3	Chi sự nghiệp môi trường	2.144	2.108	36
3.1	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường (Mã 1030205, Loại 280, Khoản 281)	1.526	1.500	26
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.500	1.500	-
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.260	1.260	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	216	216	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	24	24	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	26	-	26
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	26		26
3.2	TT Kỹ thuật Tài nguyên môi trường (Mã 1103034, Loại 280, Khoản 281)	618	608	10

- 81

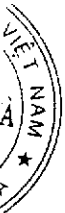
STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
		608	608	-
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	512	512	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	86	86	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	10	10	
	- 10% tiết kiệm chi CCTL (nguồn 0114)	10	-	10
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10		10
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	-		
	Hoạt động môi trường			

II. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN

STT	Nội dung	Tổng số	Để lại đơn vị	Nộp ngân sách
		5.849	4.043	1.806
	Sở Tài nguyên và Môi trường	270	90	180
1	Văn phòng Sở (Phí lệ phí)	360	184	176
2	Chi cục Bảo vệ môi trường (Phí lệ phí)	25	15	10
3	Trung tâm Công nghệ thông tin (Phí lệ phí)	5.194	3.754	1.440
4	Văn phòng đăng ký đất đai (thu dịch vụ)			

Ghi chú

1	Dự toán giao chi ngân sách năm 2017	9.598
2	Ngân sách giữ	87
3	Trừ 10% tiết kiệm ngân sách giữ	9.511
3	Dự toán còn lại	9.511
4	Kinh phí thẩm định lần 1	0
5	Còn lại	13.500
	- Sự nghiệp kinh tế	13.500
	+ Lĩnh vực đất đai	12.600
	- Kinh phí sự nghiệp môi trường	



UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 73 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ văn bản thẩm định số 665 /STC-HCSN ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Sở Tài chính Khánh Hòa về việc thẩm định dự toán ngân sách năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

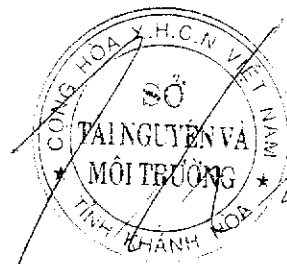
Điều 1. Giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2017 cho Chi cục Quản lý Đất đai (kinh phí thực sự) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thái

PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	70	-	70
	Chi cục Quản lý Đất đai (Mã 1101499, Loại 460, Khoản 463)	70	-	70
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	70	-	70
	- Kinh phí hỗ trợ bảo vệ luận văn Thạc sĩ	70		70



UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 84 /QĐ-STNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017;

Căn cứ văn bản thẩm định số 941 /STC-HCSN ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự toán kinh phí 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách năm 2017 cho Văn phòng Sở (Lĩnh vực đất đai) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s. *Hau*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Võ Tấn Thái



PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
		13.500	-	13.500
	SỰ NGHIỆP KINH TẾ			
1	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (Mã 1007224 Loại 430, Khoản 432) nguồn 12	13.500	-	13.500
	Lĩnh vực đất đai	13.500		13.500
	Chi phí hợp đồng tư vấn thẩm định giá đất các dự án - dự kiến 30 dự án	1.200		1.200
	Thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	12.300		12.300



QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường kế hoạch năm 2017;

Căn cứ Quyết định 659/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2017;

Căn cứ văn bản thẩm định số ~~1028~~ STC-TCHCSN ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự toán kinh phí 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách năm 2017 cho các đơn vị tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo phụ lục đính kèm (Kinh phí sự nghiệp môi trường).

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Võ Tấn Thái



PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN

DVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	10,163,000	-	10,163,000
1	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (Mã 1007224 Loại 280, Khoản 309) nguồn 12	3,277,000	-	3,277,000
	Xây dựng hệ thống tiếp nhận, quản lý kết quả quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	61,000		61,000
	Phân vùng môi trường khu vực thành phố Nha Trang	370,000		370,000
	Điều tra, xác định các loài thực vật có ích tại tỉnh Khánh Hòa và đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển bền vững	500,000		500,000
	Đánh giá tác động biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng đến đa dạng sinh học biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa; Đánh giá ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng dân cư ven biển và đề xuất kế hoạch thích ứng, ứng phó	876,166	/	876,166
	Điều tra đánh giá tình hình ô nhiễm chất thải từ các nhà vệ sinh tại các khu dân cư ven biển tỉnh Khánh Hòa	306,556	/	306,556
	Hiện trạng vi khí hậu và môi trường không khí khu trung tâm thành phố Nha Trang	500,000	/	500,000
	Đoàn Thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp năm 2017	100,000	/	100,000
	Truyền thông nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu; truyền thông ngày nước, ngày khí tượng thế giới năm 2017.	100,000		100,000
	Đánh giá thực trạng quản lý môi trường tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và đề xuất các biện pháp quản lý	300,000		300,000
	Xây dựng hệ thống CSDL phục vụ lãnh đạo công đồng	13,278		13,278
	Đánh giá hiện trạng sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và đề xuất biện pháp quản lý	150,000		150,000
2	Chi cục Bảo vệ Môi trường (Mã 1085919, Loại 280, Khoản 309) nguồn 12	4,319,000		4,319,000
	Hoạt động của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ BVMT; Đoàn kiểm tra sau khi nghiệm thu các nhiệm vụ MT.	50,000		50,000
	Xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Khánh Hòa	250,000		250,000
	Thực hiện phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ TNMT	300,000		300,000
	Kiểm tra chấp hành pháp luật về BVMT của các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động; giải quyết kiến nghị của cử tri về ô nhiễm MT	300,000		300,000



STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	Truyền thông môi trường 2017	400,000		400,000
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nước tại thôn Vân Đàng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang	760,000		760,000
	Xử lý ô nhiễm môi trường khu vực Bàu Dinh xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1,059,000		1,059,000
	Điều tra, đánh giá hiện tượng nở hoa của vi tảo và xác định nguyên nhân chết của đối tượng thủy sinh trong Vịnh Vân Phong; đề xuất biện pháp phòng	900,000		900,000
	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	300,000		300,000
3	Chi cục Biển và hải đảo (Mã 1112538, Loại 280, Khoản 309)	70,000	-	70,000
	Hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển tại thành phố Cam Ranh và huyện Vạn Ninh	70,000		70,000
4	Trung tâm Công nghệ thông tin (Mã 1040172, Loại 280, Khoản 309)	150,000		150,000
	Bản tin Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa năm 2017	150,000		150,000
5	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường (Mã 1030205, Loại 280, Khoản 309)	2,347,000		2,347,000
	Quan trắc môi trường nước mặt	700,000		700,000
	Quan trắc môi trường nước biển ven bờ	600,000		600,000
	Quan trắc môi trường nước ngầm	150,000		150,000
	Quan trắc môi trường không khí	316,000		316,000
	Áp dụng QA/QC trong quan trắc hiện trường và trong phòng thí nghiệm	200,000		200,000
	Vận hành trạm quan trắc không khí tự động	180,000		180,000
	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường sau từng đợt quan trắc. Báo cáo thông tin môi trường năm	6,000		6,000
	Xây dựng trạm quan trắc nước ngầm tại Dốc Lết, Ninh Hải, Ninh Hòa	70,000		70,000
	Xây dựng trạm quan trắc nước ngầm tại phường Lộc Thọ, Nha Trang	70,000		70,000
	Vận hành hệ thống quan trắc tại 14 Hoàng Hoa Thám, Nha Trang	55,000		55,000

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 17/QĐ-STNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 17 tháng Năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ văn bản thẩm định số 1214/STC-TCHCSN ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự toán kinh phí 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách năm 2017 cho các đơn vị tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo phụ lục đính kèm (Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính).

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC *tar*



Võ Tấn Thái



QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ dự toán kinh phí cải cách hành chính năm 2017;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán cho Văn phòng sở TNMT thực hiện tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Võ Tấn Thái

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán cho Văn phòng sở TNMT và các đơn vị trực thuộc theo phụ lục đính kèm.

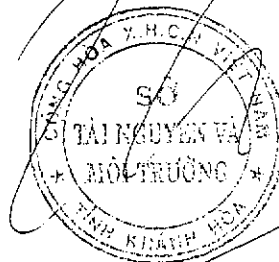
Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Võ Tấn Thái

PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 460, Khoản 463)	90.000.000		90.000.000
	Kinh phí mua sắm sửa chữa			90.000.000
	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 430, Khoản 432)	658.000.000		658.000.000
	Quy hoạch sử dụng đất			491.000.000
	Quy hoạch kháng sản			167.000.000
	Chi cục Quản lý Đất đai (Mã 1101499, Loại 460, Khoản 463)	100.000.000		100.000.000
	Kinh phí mua sắm sửa chữa			100.000.000

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 cho Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh (hỗ trợ luận văn thạc sĩ cho ông Nguyễn Xuân Sơn) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí sự được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Thái*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Vũ Tấn Thái

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, số tiền 2.410 triệu đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm mười triệu đồng chẵn) theo phụ lục đính kèm.

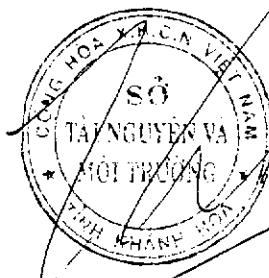
Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phòng KHTC, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc tỉnh KH;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC. /

GIÁM ĐỐC



Võ Tấn Thái

PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH GIẢM GIAO DỰ TOÁN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	TỔNG SỐ	2,410	253	2,157
1	Chi quản lý hành chính	179	115	64
1.1	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 460, Khoản 463)	91	51	40
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	51	51	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	51	51	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40	-	40
	- Kinh phí tập huấn và kiểm tra khoáng sản	8		8
	- Trang phục thanh tra và kinh phí tiếp công dân	8		8
	- Các hoạt động công tác giá đất	3		3
	- Hoạt động ban chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu và các hoạt động khác có liên quan đến biến đổi khí hậu	3		3
	- Đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai TTLT 39/2011/TTLT-BTNMT-BTC ngày 15/11/2011	18		18
1.2	Chi cục Bảo vệ Môi trường (Mã 1085919, Loại 460, Khoản 463)	24	24	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24	24	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	24	24	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
1.3	Chi cục Quản lý Đất đai (Mã 1101499, Loại 460, Khoản 463)	24	24	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24	24	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	24	24	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
1.4	Chi cục Biển và hải đảo (Mã 1112538, Loại 460, Khoản 463)	40	16	24
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16	16	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	16	16	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24	-	24
	- Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	5		5
	- Kinh phí phục vụ hoạt động giao khu vực biển (theo Nghị định 1/2014/NĐ-CP)	9		9
	- Cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định 40/2016/NĐ-CP	5		5
	- Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Khánh Hoà	5		5
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1,394	120	1,274
2.1	Trung tâm Phát triển quỹ đất (Mã 1031567, Loại 430, Khoản 432)	24	24	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24	24	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	24	24	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-

H.C

SỞ
GUY
TRU

KHÁS

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự
2.2	Trung tâm Công nghệ thông tin (Mã 1040172, Loại 430, Khoản 432)	39	20	19
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	20	20	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	20	20	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	19	-	19
	- Kinh phí phòng máy chủ Sở TN&MT	1	-	1
	- Kế hoạch thu thập dữ liệu về TN&MT tỉnh Khánh Hòa	18	-	18
2.3	Văn phòng Đăng ký đất đai (Mã 1079036, Loại 430, Khoản 432)	101	76	25
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	101	76	25
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	101	76	25
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
	- Vận hành máy chủ cơ sở dữ liệu	-	-	-
	Sở Tài nguyên môi trường	-	-	-
2.3.1	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (Mã 1079036, Loại 430, Khoản 432)	43	18	25
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	18	18	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	25	0	25
	- Vận hành máy chủ cơ sở dữ liệu	25	-	25
2.3.2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Nha Trang (Mã 1027090, Loại 430, Khoản 432)	19	19	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	19	19	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	19	19	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-	-	-
2.3.3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Cam Ranh (Mã 1010329, Loại 430, Khoản 432)	6	6	-
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	6	6	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	6	6	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-	-	-
2.3.4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Cam Lâm	6	6	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	6	6	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	6	6	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-	-	-
2.3.5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Diên Khánh	6	6	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	6	6	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	6	6	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-	-	-
2.3.6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Vạn Ninh	6	6	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	6	6	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	6	6	-

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-		
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	-		
2.3.7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã Ninh Hòa (Mã 1094697, Loại 430, Khoản 432)	7	7	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	7	7	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	7	7	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-		
2.3.8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Khánh Vĩnh	4	4	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	4	4	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	4	4	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-		
2.3.9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Khánh Sơn	4	4	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0113)	4	4	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	4	4	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 0212)	-		
	Sở Tài nguyên môi trường	-		
2.4	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường (Mã 1007224, Loại 430, Khoản 432)	960		960
	- Lĩnh vực đất đai (kinh phí đo đạc, lập bản đồ, kiểm kê đất)	661		661
	- Lĩnh vực khoáng sản	81		81
	- Lĩnh vực nước, khí tượng thủy văn	72		72
	- Xây dựng phần mềm và CSDL cung cấp bản đồ trực tuyến	71		71
	- Kinh phí quy hoạch sử dụng đất	75		75
2.5	Chi cục Biên và hải đảo (Mã 1112538, Loại 430, Khoản 432)	270		270
	- Lĩnh vực biên đảo	270		270
3	Chi sự nghiệp môi trường	837	18	819
3.1	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường (Mã 1030205, Loại 280, Khoản 281)	13	13	-
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13	13	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	13	13	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
3.2	TT Kỹ thuật Tài nguyên môi trường (Mã 1103034, Loại 280, Khoản 281)	5	5	-
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5	5	-
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	5	5	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
3.3	Hoạt động môi trường	819		819
	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (Mã 1007224 Loại 280, Khoản 309) nguồn 12	215		215
	Chi cục Bảo vệ Môi trường (Mã 1085919, Loại 280, Khoản 309) nguồn 12	387		387

